

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2019/DS-ST
Ngày: 06 – 9 – 2019
V/v tranh chấp Hợp đồng góp hui.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Vinh Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Hữu Tâm.
Ông Nguyễn Văn Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diễn-Thẩm Tra viên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Hậu-Kiểm Sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2019/TLST-DS, ngày 21 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp Hợp đồng góp hui, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2019/QĐXXST-DS, ngày 22 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2019/QĐST-DS, ngày 12 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Lệ H, sinh năm 1961, địa chỉ Số 774/8, Ấp A, xã T, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Tạ Tuyết Tr (L), sinh năm 1953, địa chỉ Số 226/3, Ấp A, xã T, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Võ Thị T (5 H), sinh năm 1958, địa chỉ Số 1069/9, Ấp A, xã T, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- Người làm chứng:

1. Bà Phan Thị Huyền C, sinh năm 1988 (vắng mặt)
 2. Bà Ngô Thị Thu V, sinh năm 1953 (có mặt)
 3. Ông Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1967 (có mặt)
- Cùng địa chỉ Ấp A, xã T, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện ngày 20/02/2019, Đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 14/5/2019, biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 28/3/2019 và các tài liệu, chứng cứ khác trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Lệ H trình bày:

Bà làm đầu thảo hụi, bà Tạ Tuyết T là hụi viên, vô hụi của bà 02 phần, khi hốt hụi xong, bà Tr không đóng tiền hụi chết, cụ thể như sau:

Dây 1: Ngày 26/11/2013 âm lịch (nhằm ngày 28/12/2013 dương lịch) bà mở 01 dây hụi mùa (04 tháng khui một lần) 2.000.000 đồng, có 16 phần, bà Tr tham gia 01 phần, ngày 24/3/2014 âm lịch (nhằm ngày 23/4/2014 dương lịch) khui lần thứ 03, bà Tr hốt hụi được số tiền 17.300.000 đồng, đóng lại 05 lần hụi chết = 10.000.000 đồng. Ngày 24/7/2016 âm lịch (nhằm ngày 26/8/2016 dương lịch) bà Tr ngưng đóng hụi, còn nợ 08 lần = 16.000.000 đồng. Bà phải bỏ ra số tiền 16.000.000 đồng để đóng thay cho bà Tr. Hụi mãi ngày 26/11/2018 âm lịch (nhằm ngày 01/01/2019 dương lịch).

Dây 2: Ngày 19/7/2013 âm lịch (nhằm ngày 25/8/2013 dương lịch) bà mở 01 dây hụi mùa (04 tháng khui một lần) 2.000.000 đồng, có 14 phần, bà Tr tham gia 01 phần, ngày 24/11/2014 âm lịch (nhằm ngày 14/01/2015 dương lịch) khui lần thứ 03, bà Tr hốt hụi được số tiền 15.000.000 đồng, đóng lại 03 lần hụi chết = 6.000.000 đồng. Ngày 24/7/2016 âm lịch (nhằm ngày 26/8/2016 dương lịch) bà Tr ngưng đóng hụi, còn nợ 08 lần = 16.000.000 đồng. Bà phải bỏ ra số tiền 16.000.000 đồng để đóng thay cho bà Tr. Hụi mãi ngày 19/11/2018 âm lịch (nhằm ngày 25/12/2018 dương lịch).

Như vậy, bà Tạ Tuyết T (L) còn nợ bà 02 phần hụi chết với tổng số tiền là 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng).

Hai dây hụi mùa 2.000.000 đồng, khui ngày 28/12/2013 và ngày 25/8/2013 nêu trên, trước đây bà có khởi kiện bà Tạ Tuyết T tại Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, nhưng khi đó hụi chưa mãn nên bà đã rút lại đơn khởi kiện, nay hai dây hụi này đã mãn, bà làm đơn tiếp tục khởi kiện bà Tr tiền nợ của hai dây này là 32.000.000 đồng. Hai dây hụi này do bà Tạ Tuyết T đứng ra hốt và góp tiền hụi với bà, bà Võ Thị T không có đứng ra chơi hụi với bà, mà chỉ đứng tên giùm cho bà Tr, vì mỗi lần khui hụi, góp tiền hụi đều do bà Tr đóng tiền cho bà, tiền hốt hụi cũng do bà Tr nhận.

Khi hòa giải ở Ấp A, xã T vào ngày 18/3/2017, bà Tr thừa nhận thiếu tiền nợ hụi 18.000.000 đồng của bà trong hai dây hụi nêu trên và hứa hàng tháng trả 1.000.000 đồng đến khi dứt nợ, Tổ hòa giải lập biên bản hòa giải thành, nhưng sau đó bà Tr không đồng ý trả nên phát sinh tranh chấp cho đến nay. Lúc hòa giải thành ở Ấp A, xã T có mặt hai bên, ông Nguyễn Hoàng V Tổ trưởng và bà Phan Thị Huyền C. Lúc này hai dây hụi này chưa mãn, nên trừ số tiền hụi sống của bà Tr nên mới ra 18.000.000 đồng.

Bà đồng ý khấu trừ số tiền hụi bà còn thiếu bà Tr 16.000.000 đồng, theo như biên bản tự thỏa thuận giữa bà với bà Tr ngày 09/6/2017 tại Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, cho nên bà chỉ yêu cầu bà Tr trả số tiền nợ hụi còn lại 16.000.000

đồng.

Tóm lại, bà thay đổi yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu bà Tạ Tuyết T trả số tiền nợ hụi 16.000.000 đồng (sau khi đã khấu trừ số tiền nợ hụi mà bà còn thiếu bà Tr 16.000.000 đồng). Bà không yêu cầu bà Võ Thị T trả nợ hụi cùng với bà Tr, vì bà T chỉ đứng tên giùm cho bà Tr, chứ bà T không có tham gia chơi hụi, mà bà Tr là người trực tiếp tham gia chơi hụi với bà.

2. Theo biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 11/4/2019, bị đơn bà Tạ Tuyết Tr trình bày: Hai dây hụi mà bà Lê Thị Lệ H khởi kiện nêu trên, bà không có tham gia, mà do người em dâu của bà tham gia (bà Võ Thị T), nhưng bà có nhận tiền hốt hụi của hai dây này, bà nhận giùm cho bà T. Hiện nay, bà T đã bỏ địa phương đi không biết địa chỉ cụ thể ở đâu, số tiền hụi mà bà nhận giùm cho bà T bao nhiêu bà cũng không biết. Các lần hòa giải ở Tổ hòa giải Ấp 9, bà đều có tham gia, nhưng bà không thừa nhận nhận nợ thay cho bà T, mà bà chỉ nói sẽ kêu bà T về trả nợ cho bà H, bà cũng không có hứa trả nợ cho bà H mỗi tháng 1.000.000 đồng. Trước đây, tại Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, bà và bà H ký biên bản hòa giải và thỏa thuận với nhau như thế nào bà cũng không nhớ, không biết.

3. Theo biên bản xác minh ngày 03/5/2019, người làm chứng bà Phan Thị Huyền C trình bày: Vào ngày 18/3/2017, bà có tham gia hòa giải tranh chấp nợ hụi giữa bà Lê Thị Lệ H với bà Tạ Tuyết T, tại cuộc hòa giải bà H yêu cầu bà Tr trả số tiền hụi 18.000.000 đồng, cách thức mỗi tháng trả 1.000.000 đồng. Ý kiến của bà Tr tại cuộc hòa giải: Bà Tr có tham gia chơi hụi với bà H, nhưng chơi hụi giùm người em dâu (bà Võ Thị T), bà Tr nói về động viên người em dâu trả nợ cho bà H. Bà Tr cũng đồng ý trả nợ cho bà H mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi dứt nợ, cho nên kết quả hòa giải thành.

4. Theo biên bản lấy lời khai ngày 11/4/2019, người làm chứng ông Nguyễn Hoàng V trình bày: Ông là Tổ trưởng Tổ hòa giải Ấp A, xã T, khi hòa giải bà Lê Thị Lệ H yêu cầu trả 18.000.000 đồng, bà Tạ Tuyết T nói hết khả năng đóng hụi cho bà H rồi, nói muốn đi thưa thì đi đi. Vợ chồng ông có tham gia chơi hụi chung với bà Tr ở dây hụi mùa khui ngày 26/11/2013 âm lịch, có 16 phần, vợ ông (bà Nguyễn Thị P) tham gia 01 phần, trong dây hụi này, bà Tr là người trực tiếp tham gia chơi hụi, đóng hụi và hốt hụi, chứ không phải bà Võ Thị T.

5. Theo biên bản lấy lời khai ngày 11/4/2019, người làm chứng bà Ngô Thị Thu V trình bày: Hai dây hụi mùa 2.000.000 đồng mà bà Lê Thị Lệ H làm chủ, khui vào năm 2013 âm lịch bà không có tham gia chơi, nhưng ở các dây hụi khác bà có tham gia chơi, mỗi lần khui hụi bà đều thấy bà Tạ Tuyết T tham gia khui hụi chung, không thấy lần nào bà Võ Thị T tham gia khui hụi chung. Bà cũng biết việc bà H giao tiền hụi đã hốt cho bà Tr, không có giao tiền cho bà T, vì mặc dù chơi khác dây hụi với nhau, nhưng đều khui chung ngày, ai hốt hụi bà cũng biết.

6. Tại phiên tòa, Kiểm Sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách cho rằng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật

Tổ tụng Dân sự. Đối với người tham gia tố tụng, các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, riêng đương sự và người làm chứng vắng mặt, là chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Tạ Tuyết T trả cho nguyên đơn số tiền nợ hui 16.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Về tố tụng:

[1] Tại phiên tòa, các đương sự bà Tạ Tuyết T và bà Võ Thị T, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt không rõ lý do; Người làm chứng bà Phan Thị Huyền C vắng mặt không rõ lý do, nhưng đã có lời khai được Tòa án thu thập, cho nên, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 229 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Lệ H thay đổi yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu bị đơn bà Tạ Tuyết T trả số tiền nợ hui 16.000.000 đồng (bà H tự nguyện khấu trừ số tiền nợ hui mà bà còn thiếu bà Tr 16.000.000 đồng). Bà H không yêu cầu bà Võ Thị T trả nợ hui cùng với bà Tr, vì bà T chỉ đứng tên giùm cho bà Tr, chứ bà T không có tham gia chơi hui, mà bà Tr là người trực tiếp tham gia chơi hui. Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 71 và khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về nội dung:

[3] Nguyên đơn bà H yêu cầu bị đơn bà Tr trả số tiền nợ hui 16.000.000 đồng và cho rằng khi hòa giải cơ sở ở Ấp A, xã T vào ngày 18/3/2017, bà Tr thừa nhận thiếu tiền nợ hui 18.000.000 đồng của bà trong hai dây hai hui mùa 2.000.000 đồng khai ngày 28/12/2013 và ngày 25/8/2013 và hứa hàng tháng trả 1.000.000 đồng đến khi dứt nợ, Tổ hòa giải lập biên bản hòa giải thành, nhưng sau đó bà Tr không đồng ý trả nên phát sinh tranh chấp cho đến nay.

[4] Bị đơn bà Tr cho rằng: Hai dây hui mà bà Lê Thị Lệ H khởi kiện nêu trên, bà không có tham gia, mà do người em dâu của bà tham gia (bà Võ Thị T), nhưng bà có nhận tiền hốt hui của hai dây này, bà nhận giùm cho bà T. Hiện nay, bà T đã bỏ địa phương đi không biết địa chỉ cụ thể ở đâu. Các lần hòa giải ở Tổ hòa giải Ấp A, xã T bà đều có tham gia, nhưng bà không thừa nhận nhận nợ thay cho bà T, mà bà chỉ nói sẽ kêu bà T về trả nợ cho bà H, bà cũng không có hứa trả nợ cho bà H mỗi tháng 1.000.000 đồng.

[5] Theo Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh:

Khoản 1: Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp;

Khoản 2: Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó;

Khoản 4: Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.

[6] Theo lời trình bày của các người làm chứng bà Phan Thị Huyền C, ông Nguyễn Hoàng V và bà Ngô Thị Thu V đã nêu trên, thể hiện: Bà Tr tham gia chơi hụi giùm cho bà T, bà Tr là người nhận tiền hốt hụi, đi khai hụi và đóng hụi lại cho bà H. Khi có tranh chấp phát sinh thì bà Tr đứng ra hòa giải với bà H tại Tổ hòa giải Ấp A, xã T, bà Tr cũng đồng ý trả nợ cho bà H mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt số tiền nợ 18.000.000 đồng, nhưng sau đó không có khả năng trả nợ, nên bà Tr nói với bà H muốn đi thưa kiện thì đi đi.

[7] Theo như biên bản hòa giải ngày 09/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, thể hiện bà Tạ Tuyết T có nhận tổng số tiền hốt hụi của hai dây hụi đang có tranh chấp nêu trên là 32.300.000 đồng, nhưng cho rằng nhận giùm người em dâu (bà Võ Thị T).

[8] Như vậy, có cơ sở để xác định, bà Tr có tham gia chơi hụi và còn nợ tiền hụi của bà H 16.000.000 đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 275, các điều 166, 280, 357, 471 và điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Lệ H, buộc bà Tạ Tuyết T phải trả số tiền nợ hụi 16.000.000 đồng.

[9] Đối với giao dịch chơi hụi giùm giữa bà Tạ Tuyết T với bà Võ Thị T nếu có tranh chấp với nhau thì sẽ giải quyết trong vụ án khác nếu có yêu cầu.

[10] Đề nghị của Kiểm Sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, theo như nhận định nêu trên.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, nên bà H không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Bà Tr được miễn nộp tiền án phí, do thuộc trường hợp người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 244, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 229, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 275, các điều 166, 280, 357, 471 và điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường.

Tuyên xử:

1. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị Lệ H đồng ý khấu trừ cho bà Tạ Tuyết Tr số tiền nợ hội 16.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Lệ H, buộc bà Tạ Tuyết Tr có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền nợ hội 16.000.000 đồng.

3. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi cho người được thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Thị Lệ H không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng đã nộp 800.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0006501, ngày 20/02/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Kế Sách.

- Bà Tạ Tuyết Tr được miễn nộp tiền án phí.

5. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn này tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Chi cục THADSH Kế Sách (khi đã có hiệu lực);
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Vinh Thắng